

Bản án số: 126/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25 – 6 – 2025

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Bẩy

Ông Nguyễn Thành Dương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Đát - là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Từ Thị Cẩm T, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trình bày của bà Từ Thị Cẩm T trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, bà và ông Trần Văn C đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, số Giấy chứng nhận kết hôn 67/2016. Trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, ông C không tôn trọng, thường xúc phạm bà, vợ chồng đã ly thân hơn một năm nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, không thể tiếp tục sống chung nên bà yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung, bà và ông C có 01 con chung tên là Trần Gia B, sinh ngày 28/6/2017, hiện nay con đang sống với ông C. Khi ly hôn, bà tiếp tục giao con chung cho ông C trực tiếp nuôi, bà cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Đối với ông Trần Văn C đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Từ Thị Cẩm T, nhưng đến nay ông C vẫn không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bị đơn là ông Trần Văn C đã được tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung tranh chấp được xác định là xin ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà Từ Thị Cẩm T, xét thấy, bà T và ông C đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, số Giấy chứng nhận kết hôn 67/2016, nên hôn nhân được xác định là hợp pháp. Bà T cho rằng, vợ chồng đã có mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, ông C không tôn trọng, thường xúc phạm bà, vợ chồng đã ly thân hơn một năm nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đối với ông C, ông C không đến Tòa án tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến và các tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận trình bày của bà T, xác định hôn nhân của ông bà đã có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã ly thân nhau, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà T ly hôn với ông C.

[4] Về con chung, bà T và ông C có 01 con chung tên là Trần Gia B, sinh ngày 28/6/2017, hiện nay con đang sống với ông C. Khi ly hôn, bà T giao con chung cho ông C tiếp tục nuôi, còn ông C không có ý kiến về vấn đề này. Xét thấy, hiện nay cháu Trần Gia B đang sống ổn định với cha và cũng có nguyện vọng tiếp tục sống chung với cha, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Gia B cho ông C trực tiếp nuôi. Bà T được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, bà T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, còn ông C không có ý

kiến về việc này. Xét thấy, sự tự nguyện về cấp dưỡng nuôi con mà bà T đã nêu là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, bà T xác định không có, còn ông C không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình và không gửi các tài liệu kèm theo chứng minh về vấn đề tài sản chung, nợ chung nên chấp nhận ý kiến của bà T.

[6] Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình; và về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, **227, 228** của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Từ Thị Cẩm T ly hôn với ông Trần Văn C.

- Về con chung: Buộc bà Từ Thị Cẩm T giao con chung tên là Trần Gia B, sinh ngày 28/6/2017 cho ông Trần Văn C trực tiếp nuôi. Bà Từ Thị Cẩm T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bà T không thực hiện cấp dưỡng nuôi con như đã nêu trên, thì kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà T còn phải chịu thêm khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải nộp án phí về Hôn nhân và gia đình là 300.000đ, án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ, tổng cộng là 600.000đ.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0010611 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ, bà T phải nộp tiếp 300.000đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND xã Tắc Vân,
Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Kim Oanh